

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/DS-ST

Ngày 11-08-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Điều Toàn

2. Ông Điều Mẫn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Thuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993 (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2020 biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc Thiệu thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị K và bà Nguyễn Thị L có quan hệ hàng xóm và quen biết lâu năm. Vào ngày 12/7/2019 bà K cho bà L vay số tiền 26.000.000đ; ngày 12/9/2019 bà

K cho bà L vay số tiền 5.500.000đ; ngày 12/02/2020 bà K cho bà L vay số tiền 80.500.000đ. Đến ngày 29/3/2020 thì hai bên làm giấy vay tiền (giấy đổi hội) của các khoản vay trên và bà L có ký tên xác nhận số tiền vay và thời gian trả tiền vào ngày 10/4/2020, nội dung thể hiện bà L sẽ trả 30.000.000đ và sẽ trả dần vào các tháng tiếp theo. Khi đến hạn trả nợ thì bà L không trả mặc dù bà K đã đòi nhiều lần.

Nay bà K yêu cầu Tòa án buộc bà L trả cho bà K số tiền 80.500.000đ, không tính lãi suất. Ngoài ra bà K không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến tòa án trình bày ý kiến của mình.

Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ cũng như quyền lợi tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các chứng cứ đã được xem xét tại phiên Tòa, các bản lời khai, hòa giải có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền đã mượn theo hợp đồng nên về quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án huyện H xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị L có địa chỉ tại Tổ 3, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ, nhưng lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do, phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Do phía bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, do đó Tòa án căn cứ vào những tài liệu do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án. Theo các tài liệu có trong hồ sơ đã thể hiện, ngày 29/3/2020 bà K có chót toàn bộ số nợ cho phía bà L với tổng số tiền là 80.500.000đ. Chứng cứ bà K cung cấp là “Giấy đổi hội” lập ngày 29/3/2020. Mặc dù tiêu đề là Giấy đổi hội nhưng xét nội dung xác định rõ việc bà L có thừa nhận số nợ trên, cam kết trả về thời gian trả dần là 10 ngày với số tiền là 30.000.000đ và có chữ

ký của các bên. Do bà L không có thiện chí trả nợ, nên bà K đã làm đơn kiến nghị tới ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nơi bà L cư trú. Căn cứ biên bản hòa giải vào ngày 16/4/2020 (BL 12) của Tổ hòa giải ấp Bàu Lùng cho thấy bà L đã xác định số nợ nhưng do khó khăn nên không thể trả cho bà K. Như vậy, có cơ sở xác định lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ, có sự việc bà K vay tiền của bà L với tổng số tiền là 80.500.000đ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà K trả lại cho bà L số tiền 80.500.000đ là có căn cứ. Các bên cũng không có thỏa thuận lãi suất và bà K cũng không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[3] Tại phiên Tòa ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về thủ tục tố tụng cũng như nội dung vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 93, 203, 147, 227, 233, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của bà Nguyễn Thị K.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền là 80.500.000 đồng (Tám mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền*) nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là 4.025.000 đồng (Bốn triệu không trăm hai lăm ngàn đồng). bà Nguyễn Thị K không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Chi cục thi hành án dân sự huyện H hoàn trả cho chị bà Nguyễn Thị K số tiền 2.012.000 đồng (Hai triệu không trăm mười hai ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001922 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng